



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 09 (từ 25/02/19 – 01/03/19)



ĐIỂM TIN

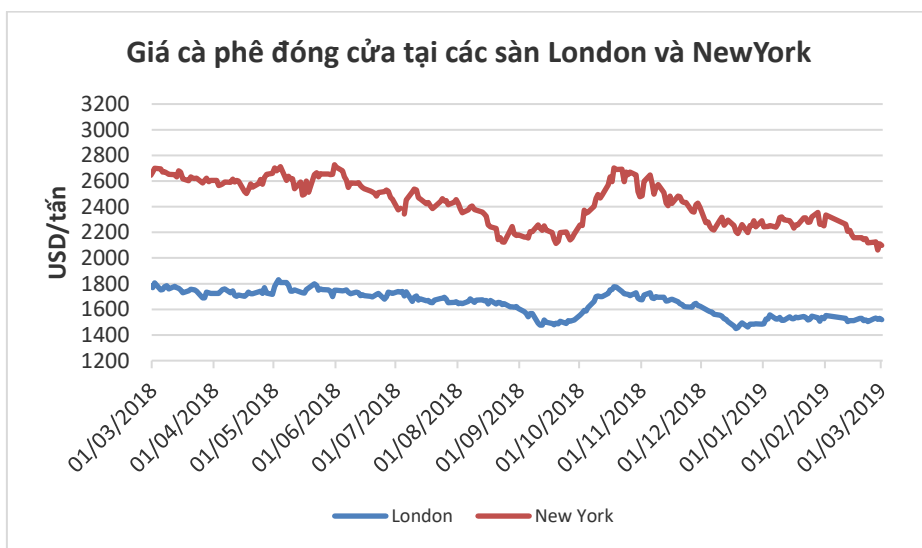
Giá cà phê Robusta tuần này tăng nhẹ so với tuần trước hiện đang ở mức 1.525,8 USD/tấn.

Giá cà phê Arabica tuần này giảm 2,0% xuống còn 2.104,1 USD/tấn.

Ban Cà phê Ấn Độ dự kiến xuất khẩu niên vụ cà phê hiện nay sẽ giảm khoảng 1 triệu bao do đợt mưa lũ vào tháng 8 năm ngoái.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và New York



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này 1.525,8 USD/tấn, tăng nhẹ 0,5% so với tuần trước và thấp hơn 14,7% so với cùng kỳ năm 2018. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.531 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.520 USD/tấn. [1]

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần này đạt 2.104,1 USD/tấn, giảm 2,0% so với mức giá tuần trước và thấp hơn 20,9% so với cùng thời điểm năm 2018.



Giá cao nhất trong tuần đạt 2.125,3USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.062,4USD/tấn. [1]

Giá cà phê tuần qua tiếp tục biến động hỗn hợp khi giá cà phê robusta tăng nhẹ trong khi giá cà phê arabica có chiều hướng giảm. Giá cà phê robusta điều chỉnh tăng trong bối cảnh có khả năng Anh tiến hành bỏ phiếu Brexit lần 2, điều này tác động khiến các ngành công nghiệp chế biến tăng nhu cầu nhập hàng cà phê. Tuy nhiên, các nhà quan sát cho rằng lực mua chưa đủ mạnh để thúc đẩy giá tăng trong khi phần lớn các đầu cơ và quỹ cần chờ đợi nghe ngóng thêm tin tức. Trái lại, giá arabica chuyển biến tiêu cực khi đồng Real Brazil giảm 0,65% xuống mức 1 USD = 3,7279 Real sau khi tổng thống Mỹ tuyên bố sẽ hoãn việc tăng thuế lên hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc sau ngày 1/3.

Theo Công ty Cung ứng Quốc gia (CONAB), trực thuộc Bộ Nông nghiệp Brazil, do nằm trong chu kỳ giảm “hai năm một lần”, sản lượng cà phê arabica ước tính trong niên vụ 2018-19 đạt khoảng 36,12 – 38,16 triệu bao, thấp hơn khoảng 19,6% – 23,9% so với niên vụ vừa qua. Chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của hiện tượng này là bang Minas Gerais, chiếm hơn một nửa khối lượng thu hoạch của cả nước, chỉ đạt 26,4 – 27,7 triệu bao so với mức 33,36 triệu bao của vụ thu hoạch năm trước. Trái lại, sản lượng cà phê Conilon Robusta sẽ tăng trong khoảng 1,3% – 15,2% lên mức 14,36 – 16,33 triệu bao, do thời tiết thuận lợi và không chịu tác động của chu kỳ “hai năm một lần” như cây cà phê Arabica.

Trong khi đó, Ban Cà phê Ấn Độ dự kiến xuất khẩu niên vụ cà phê hiện nay sẽ giảm khoảng 1 triệu bao do đợt mưa lũ vào tháng 8 năm ngoái. Tuy nhiên thông tin này cũng không tác động gì đến tâm lý thị trường hiện hành do Brazil vừa có một vụ mùa kỷ lục.

Theo các nhà quan sát, thị trường cà phê thế giới sẽ còn trì trệ kéo dài trong vài tháng tới, ít nhất là cho tới khi nông dân Brazil ngừng bán để tập trung thu hoạch vụ mùa mới năm nay.



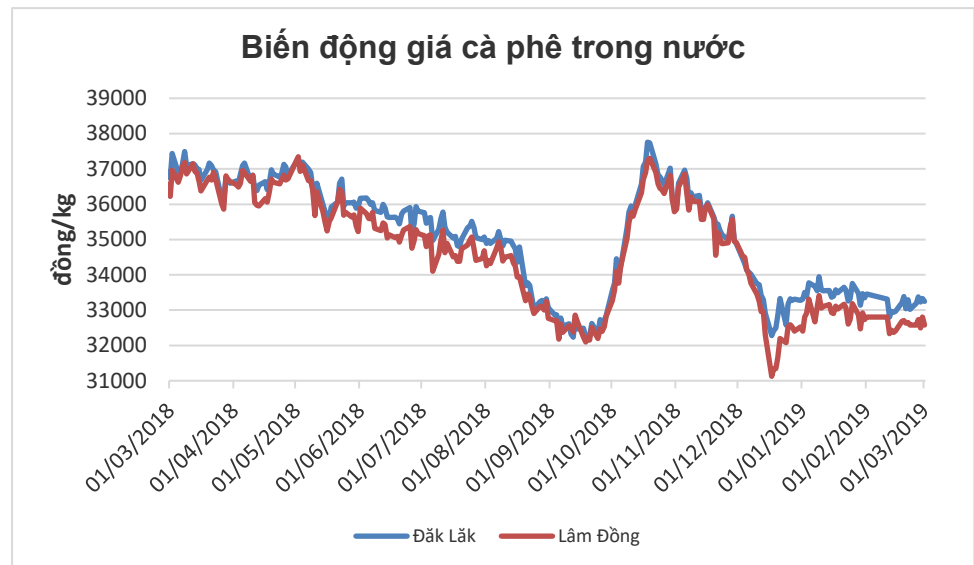
ĐIỂM TIN

Giá cà phê Robusta tại các tỉnh Tây Nguyên biến động tăng nhẹ trong tuần qua.

Cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) tăng 0,3% so với tuần trước lên mức 1.457 USD/tấn.

Tổng cục Thống kê Việt Nam đã ước báo xuất khẩu cà phê của 2 tháng đầu đạt xấp xỉ 4,73 triệu bao.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê trong nước tuần này biến động tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 33.275 đồng/kg, tăng 90 đồng so với mức giá tuần trước và thấp hơn 10,3% so với cùng kỳ năm 2018. Tại Lâm Đồng, giá cà phê giữ vững so với tuần trước, ở mức 32.640 đồng/kg, và thấp hơn 11,6% so với cùng kỳ năm ngoái. [5]

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này tăng 0,3% so với tuần trước lên mức 1.457 USD/tấn và vẫn thấp hơn 13,5% so với cùng kỳ năm 2018. [5]

Giá cà phê trong nước chỉ giao động nhẹ trong tuần qua do hoạt động giao dịch cà phê khá trầm lắng, sức mua thấp. Trước tình hình giá cà phê quốc tế chưa có nhiều cải thiện, người dân vẫn tiếp tục tích trữ hoặc bán nhỏ giọt chờ đợi biến động tích cực của thị trường.

Tổng cục Thống kê Việt Nam đã ước báo xuất khẩu cà phê của 2 tháng đầu năm nay sẽ thấp hơn khoảng 19,6% so với cùng kỳ năm trước, xấp xỉ 4,73 triệu bao. Mức giảm này phù hợp với dự đoán là xuất khẩu cà phê trong tháng này chỉ khoảng 1,66 triệu bao, do thực tế là Việt Nam chỉ mở cửa kinh



doanh kể từ thứ Hai ngày 11/2, sau kỳ nghỉ Tết kéo dài một tuần.

Theo báo Lâm Đồng, diện tích cà phê tái canh toàn tỉnh trong 5 năm bình quân đạt 54.330 ha. Tốc độ tăng năng suất trung bình 27 tạ/ha lên 31,5 tạ/ha. Đặc biệt có nhiều diện tích thu hoạch lên đến 70 - 80 tạ/ha/năm.

Tổng diện tích cà phê tăng thêm của toàn tỉnh là 14.300 ha. Riêng diện tích cà phê arabica đạt gần 16.300 ha, tăng khoảng 515 ha so với 5 năm trước. Toàn tỉnh Lâm Đồng đặt mục tiêu đến năm 2020, diện tích cà phê arabica tăng lên hơn 20.000 ha.

Quy mô canh tác cà phê theo hướng bền vững ở Lâm Đồng tiếp tục phát triển gồm gần 57.000 ha cấp các chứng nhận 4C, UTZ, Rainforest; 45.000 ha chủ động nước tưới (có 20.000 ha tưới tiết kiệm). Tại các huyện Lạc Dương, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm đã hình thành 1.500 ha cà phê ứng dụng công nghệ cao.

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <http://www.scasa.co.za>
- [3]. <https://www.comunicaffe.com>
- [4]. <https://www.CNBC.com>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. <https://www.vneconomy.vn>
- [7]. <https://www.vov.vn>
- [8]. <https://www.customs.vn>
- [9]. Vietnambiz.vn



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên trong tuần

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xô vối)	33.467	33.767	33.533	33.567	33.367	393
Ea H'leo (xô vối)	33.367	33.467	33.367	33.400	33.467	240
Krông Năng (xô vối)	33.067	33.467	33.267	33.433	33.267	180
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xô vối)	33.800	34.100	33.800	33.900	33.700	400
Ea H'leo (xô vối)	33.600	33.700	33.700	33.700	33.700	280
Krông Năng (xô vối)	33.300	33.700	33.500	33.700	33.500	193
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	32.600	32.700	32.500	32.800	32.633	-140
Di Linh (xô vối)	32.500	32.700	32.500	32.900	32.700	340
Lâm Hà (xô vối)	32.633	32.800	32.500	32.700	32.400	-233
Đà Lạt (xô chè)	39.000	39.000	37.000	39.000	39.000	67
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xô vối)	33.100	33.200	33.000	33.300	32.700	-120
Di Linh (xô vối)	33.000	33.200	33.000	33.400	33.200	340
Lâm Hà (xô vối)	32.800	33.000	32.700	33.000	32.800	-260
Đà Lạt (xô chè)	40.000	40.000	38.000	40.000	40.000	67
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xô vối)	33.150	33.350	33.300	33.300	33.300	170
Đắk R'lấp (xô vối)	33.183	33.367	33.183	33.367	33.183	113
Đắk Song (xô vối)	33.250	33.450	33.250	33.450	33.250	125
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xô vối)	33.450	33.650	33.600	33.600	33.600	170
Đắk R'lấp (xô vối)	33.483	33.683	33.483	33.667	33.483	107
Đắk Song (xô vối)	33.600	33.750	33.550	33.750	33.550	135
Gia Lai						



<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xô vối)	33.300	33.500	33.133	33.300	33.233	330
Plei ku (xô vối)	33.267	33.467	33.200	33.400	33.333	353
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xô vối)	33.800	33.967	33.667	33.833	33.767	327
Pleiku (xô vối)	33.800	34.333	33.700	33.900	33.867	413
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xô vối)	33.300	33.600	33.500	33.600	33.400	220
Đắk Hà (xô vối)	33.250	33.550	33.450	33.550	33.350	180
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xô vối)	33.400	33.800	33.600	33.700	33.500	200
Đắk Hà (xô vối)	33.400	33.800	33.600	33.700	33.500	200

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

